

Bản án số: 603/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2017

V/v Ly hôn giữa ông H và bà T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân.

2. Ông Lưu Bình Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2017/TLST-HNGĐ ngày 19/6/2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông San Quốc H, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: 288/9 đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;
Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đàm Thị Phương T, sinh năm 1976; địa chỉ thường trú: 288/9 đường L, Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh;
Bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông San Quốc H trình bày:

Ông H và bà Đàm Thị Phương T chung sống với nhau từ năm 2000, nhưng sau đó đến năm 2007 cả hai ông bà mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, đăng ký ngày 06/9/2007.

Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Đàm Hồng H, sinh ngày 23/9/2001.

Trong quá trình chung sống với nhau, ông H và bà T thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống nên thường xảy ra cãi vã. Ông H cho rằng bà T không quan tâm đến gia đình, con cái và có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Mặc dù ông H đã cố gắng hàn gắn vì thương con nhưng bà T vẫn không thay đổi và hiện nay bà T đã bỏ nhà đi sống với ai, ở đâu ông không biết. Ông H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn. cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Đàm Thị Phương T.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông H xác định trong quá trình chung sống với bà T cả hai ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Về con chung: Khi ly hôn ông H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đàm Hồng H, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay, ông San Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện đã nêu và ý kiến ông đã trình bày trong Bản tự khai tại Tòa án.

Trước khi mở phiên Tòa, bà Đàm Thị Phương T có đến Tòa án gửi Bản tự khai trình bày ý kiến của bà như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T xác nhận trong quá trình chung sống với ông H cả hai xảy ra nhiều mâu thuẫn nên thường xảy ra tranh cãi. Bà cho rằng ông H không quan tâm đến gia đình, con cái. Bà T nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông H không thể hàn gắn, không chung sống được với nhau nên bà đồng ý ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T xác định bà và ông H chung sống với nhau có 01 con chung tên Đàm Hồng H, sinh ngày 23/9/2001. Khi ly hôn bà cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng có nguyện vọng nuôi con thì bà đề nghị Tòa án xem xét quyết định người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra trong Bản tự khai bà T còn trình bày: Hiện nay bà đang thuê nhà trọ để ở, nhà trọ không có sổ nhà bà chỉ biết nằm trên đường Lê Thị Bạch Cát, Phường 11, Quận 11 nên bà không có địa chỉ nơi cư trú cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Bà T cũng biết việc ông H gửi đơn yêu cầu ly hôn với bà và Tòa án nhân dân Quận 11 đang thụ lý giải quyết nhưng do bà bận công việc phải đi làm, không xin nghỉ được nên không đến Tòa án để giải quyết. Bà T gửi Bản tự khai này đến Tòa thể hiện ý kiến của mình về việc ông H xin ly hôn với bà và đề nghị Tòa án không triệu tập bà đến Tòa án nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều

70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo bản tự khai ngày 23/10/2017 của bị đơn, bà T trình bày có nguyện vọng trực tiếp nuôi con là trẻ Đàm Hồng H, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ông H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi trẻ H, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Do có tranh chấp về quyền nuôi con, tuy nhiên Thẩm phán chưa xác minh làm rõ về nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng, điều kiện kinh tế, cũng như khả năng nuôi con của ông H, bà T để có cơ sở giải quyết việc nuôi con mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết vụ án và không thể thực hiện ngay tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để thu thập, bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện kinh tế, cũng như khả năng nuôi con của ông H, bà T để có cơ sở giải quyết việc nuôi con, nhằm bảo vệ quyền lợi về mọi mặt của trẻ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông San Quốc H có đơn yêu cầu ly hôn với bà Đàm Thị Phương T, theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn và tại kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận N thì bà Đàm Thị Phương T có đăng ký thường trú tại Quận 11. Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Ông San Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Đàm Thị Phương T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bà Đàm Thị Phương T nhưng bà T đều vắng mặt, không đến Tòa giải quyết. Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông San Quốc H và bà Đàm Thị Phương T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000, sau đó đến năm 2007 mới thực hiện việc đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60, đăng ký ngày 06/9/2007. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống do tính cách không hòa hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm nhiều mặt trong cuộc sống mà không thể giải quyết được. Ông H và bà T không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến nhau thể hiện tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhiều lần thông báo cho bà T đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà Thu đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được.

Trong Bản tự khai gửi Tòa án, bà T xác định mâu thuẫn giữa bà và ông H không thể hàn gắn, không chung sống được với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì vậy nên chấp nhận yêu cầu của ông H xin ly hôn với bà T.

[4] *Về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung*: Do ông H, bà T có tranh chấp về việc nuôi con chung nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên tòa để thu thập, bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh về điều kiện kinh tế, cũng như khả năng nuôi con của ông H, bà T để có cơ sở giải quyết việc nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa mà vẫn tiếp tục tiến hành xét xử để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào giấy khai sinh thì ông H và bà T chung sống với nhau có 01 con chung tên là Đàm Hồng H, sinh ngày 23/9/2001, hiện trẻ H đang ở cùng ông H. Khi ly hôn ông H đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản tự khai của bà T gửi Tòa án, bà cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Nếu ông H cũng có nguyện vọng nuôi con thì bà đề nghị Tòa án xem xét quyết định người trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

Xét về điều kiện, khả năng nuôi con của bà T: Trong bản tự khai bà T xác định hiện nay bà đang thuê nhà trọ để ở, nhà trọ không có sổ nhà nên bà không có địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án. Bà không trình bày hiện đang làm công việc gì, thu nhập thế nào và bà đề nghị Tòa án không triệu tập bà đến Tòa án nữa. Bà T không có nơi cư trú rõ ràng, không cung cấp địa chỉ nơi cư trú của mình cho Tòa án, vì vậy nếu Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến công việc, điều kiện kinh tế, nơi ăn ở, sinh hoạt, khả năng nuôi con của bà T thì cũng không có căn cứ để thực hiện.

Bà T biết việc ông H gửi đơn ly hôn và Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng triệu tập bà đến Tòa án giải quyết việc ly hôn nhưng bà bận đi làm, không nghỉ được nên không đến tòa giải quyết. Thể hiện công việc của bà T chiếm rất nhiều thời gian của bà, vì vậy thời gian dành cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cái sẽ không được đảm bảo.

Xét về điều kiện, khả năng nuôi con của ông H: Từ khi bà T không còn chung sống với ông H (tháng 5/2017) cho đến nay, ông H vẫn đảm bảo việc ăn ở, sinh hoạt, học hành của trẻ H bình thường, hiện trẻ H cũng đã 17 tuổi, đang học lớp 11 là những năm cuối cấp trung học phổ thông. Theo nguyện vọng của trẻ H thể hiện trong bản tự khai lập tại Tòa án nếu cha mẹ ly hôn thì nguyện vọng của em là muốn ở với cha. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, không nên làm xáo trộn về tâm lý cũng như việc sinh hoạt, học tập đang ổn định của trẻ, đồng thời trên cơ sở xem xét nguyện vọng của trẻ H. Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao trẻ H cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, chấp nhận yêu cầu của ông H về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Bản tự khai của bà T gửi Tòa án bà cũng xác định không có

tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông San Quốc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của ông San Quốc H. Cho ly hôn giữa ông San Quốc H và bà Đàm Thị Phương T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 60, do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

Giao trẻ tên Đàm Hồng H, sinh ngày 23/9/2001 cho ông San Quốc H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Bà T được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở bà T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông San Quốc H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004209 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phúc